

**SỐ: 106/KQTN/2022/31 PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM 21/11/2022**

1. **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH ĐẠI HOA
2. **Địa chỉ** : Số 190 đường Uyên Hưng 42, Uyên Hưng, Tân Uyên, Bình Dương
3. **Ngày lấy mẫu** : 14/11/2022 **Thời gian thử nghiệm:** 14/11 – 17/11/2022
4. **Người lấy mẫu** : Trần Văn Quận, Bùi Trọng Nhân
5. **Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, gió nhẹ
6. **Loại mẫu** : Khí thải
7. **Kết quả đo đạc, phân tích** :

Vị trí đo	Toluene (mg/Nm <sup>3</sup> )	Etyl acetate (mg/Nm <sup>3</sup> )	n-Butyl acetate (mg/Nm <sup>3</sup> )	Methyl acetate (mg/Nm <sup>3</sup> )
Ống thải sau HTXL hơi dung môi 2 (X: 106°46'26"; Y: 11°4'22")	9,05	16,61	12,31	6,84
Ống thải sau HTXL hơi dung môi 3 (X: 106°46'24"; Y: 11°4'23")	10,5	14,23	11,57	7,34
Ống thải sau HTXL hơi dung môi 4 (X: 106°46'27"; Y: 11°4'22")	10,05	11,61	12,11	8,82
Ống thải sau HTXL hơi dung môi 5 (X: 106°46'25"; Y: 11°4'23")	9,55	11,46	12,33	8,72
Ống thải sau HTXL hơi dung môi 6 (X: 106°46'27"; Y: 11°4'22")	9,04	14,66	16,23	6,13
Ống thải sau HTXL hơi dung môi 8 (X: 106°46'26"; Y: 11°4'23")	8,55	10,94	13,03	8,78
Ống thải sau HTXL hơi dung môi 10 (X: 106°46'28"; Y: 11°4'28")	10,12	13,28	11,13	8,33
Ống thải sau HTXL hơi dung môi 11 (X: 106°46'28"; Y: 11°4'22")	8,78	13,31	12,02	8,56
Ống thải sau HTXL hơi dung môi 12 (X: 106°46'31"; Y: 11°4'26")	8,78	14,31	13,12	9,04
Ống thải sau HTXL hơi dung môi 13 (X: 106°46'31"; Y: 11°4'27")	7,18	12,11	14,83	6,78
Ống thải sau HTXL hơi dung môi 14 (X: 106°46'32"; Y: 11°4'26")	7,55	13,24	12,13	16,46
Ống thải sau HTXL hơi dung môi 15 (X: 106°46'31"; Y: 11°4'25")	6,77	16,41	12,31	8,42
Ống thải sau HTXL hơi dung môi 17 (X: 106°46'30"; Y: 11°4'24")	8,98	11,11	12,33	8,48
<b>QCVN 20 :2009/BTNMT</b>	<b>≤ 750</b>	<b>≤ 1400</b>	<b>≤ 950</b>	<b>≤ 610</b>
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	PD CEN/TS 13649*			US EPA Method 18*

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

- (\*) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ Vimcerts 117, 026 2915620 - C
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về khí thải Công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

**PHÒNG THỬ NGHIỆM**

**TRẦN THỊ THÙY NHUNG**



**Sự hài lòng của bạn - Uy tín của chúng tôi**

Số: 106/KQTN/2022/31 **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** 21/11/2022

- 1 Địa điểm lấy : CÔNG TY TNHH ĐẠI HOA
- 2 Địa chỉ : Số 190 đường Uyên Hưng 42, Uyên Hưng, Tân Uyên, Bình Dương
- 3 Ngày lấy mẫu : 14/11/2022 Thời gian thử nghiệm: 14/11 – 19/11/2022
- 4 Người lấy mẫu : Trần Văn Quận, Bùi Trọng Nhân
- 5 Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
- 6 Loại mẫu : Nước thải
- 7 Ký hiệu và mô tả mẫu : NT01: Nước thải sau HTXL (X:106°46'32"; Y:11°4'25")
- 8 Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu : TCVN 6663-1:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.  
TCVN 5999: 1995 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu nước thải  
TCVN 6663-3: 2008 – Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
- 9 Kết quả đo đạc, phân tích :

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT, Cột A	Phương pháp đo đạc, phân tích
			NT01		
1.	pH	-	6,77	6 - 9	TCVN 6492:2011
2.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	10	50	TCVN 6625:2000
3.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	23	75	SMEWW 5220C:2017
4.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD <sub>5</sub> )	mg/L	12	30	TCVN 6001-1: 2008
5.	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	KPH MDL=0,03	-	SMEWW 5540 B&D:2017*
6.	Dầu mỡ khoáng	mg/L	0,89	5	SMEWW 5520B&F:2017
7.	Tổng Coliform	MPN /100mL	700	3.000	TCVN 6187-2:2009

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo  
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải Công nghiệp.  
Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

**PHÒNG THỬ NGHIỆM**



**TRẦN THỊ THÙY NHUNG**



**NGUYỄN THỊ HUYỀN**